

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2021/DS-ST

Ngày: 06-12-2021.

V/v Tranh chấp ranh giới giữa các
bất động sản và Đòi lại QSD đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Bích Thơ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Quang Vinh

2. Ông Lê Văn Dài

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Thông – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 01, 06 tháng 12 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2020/TLST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp dân sự ranh giới giữa các bất động sản và Đòi lại quyền sử dụng đất, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2021/QĐXX-ST ngày 19 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Đặng Thị T, sinh năm: 1976;

2. Ông Phạm Văn C, sinh năm: 1968;

Nơi cư trú: Số 110, ấp N, xã A, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn:

1. Ông Bùi Phú Q, sinh năm: 1977;

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm: 1985;

Cùng nơi cư trú: Ấp T, xã A, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Em Bùi Nguyễn Tường V, sinh ngày 20/7/2011;

2. Em Bùi Nguyễn Tường V1, sinh ngày 18/4/2010;

Người đại diện theo pháp luật là anh Bùi Phú Q và chị Nguyễn Thị Ngọc L là cha mẹ ruột.

Cùng nơi cư trú: Ấp T, xã A, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

3. Ủy ban nhân dân huyện Thanh Bình.

Người đại diện theo pháp luật là ông Huỳnh Văn N, chức vụ chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Mai Văn Đ, chức vụ phó chủ tịch, theo văn bản ủy quyền số 31/GUQ ngày 30/3/2021.

Nguyên đơn ông C, bà T, bị đơn ông Q, bà L có mặt, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cháu Tường V, Tường V1 là ông Q, bà L có mặt. Người liên quan UBND huyện vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/12/2019 của ông C, bà T, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử:

Nguyên đơn ông Phạm Văn C và bà Đặng Thị T trình bày:

Ông Phạm Văn C, bà Đặng Thị T nhận chuyển nhượng QSD đất từ vợ chồng ông Bùi Phú Q, bà Nguyễn Thị Ngọc L phần đất thửa 88, tờ bản đồ số 110, diện tích 67,5m² (ONT), tọa lạc xã A, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, theo Hợp đồng chuyển nhượng QSD đất ngày 20/7/2018. Đến ngày 17/8/2018 ông C, bà T được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận QSD đất đối với thửa đất nêu trên, phần đất này có chiều ngang giáp quốc lộ 30 là 4,22m x chiều ngang sau hậu giáp hẻm là 4,22m, chiều dài là 16m.

Ông Q và bà L có một phần đất thuộc thửa 425, tờ bản đồ số 110, diện tích 128m² (ONT), tọa lạc xã A, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận QSD đất ngày 26/6/2019 cho ông Bùi Phú Q và bà Nguyễn Thị Ngọc L. Phần đất của ông Q, bà L có chiều ngang giáp quốc lộ 30 là 8m, chiều ngang sau hậu giáp hẻm là 8m, chiều dài là 16m.

Thửa đất số 88 của ông C, bà T giáp với thửa số 425 của ông Q và bà L, vào năm 2019 ông Q và bà L tiến hành xây dựng nhà cấp III trên phần đất thửa 425, nhưng khi xây dựng không có yêu cầu ông C, bà T xác định ranh đất giữa hai bên, đến khi xây dựng nhà gần xong thì ông C, bà T phát hiện nhà ông Q, bà L xây dựng lấn qua phần đất của ông C, bà T thuộc một phần thửa 88. Ông C, bà T có làm đơn khiếu nại việc ông Q, bà L xây dựng nhà lấn qua phần đất của ông C, bà T, ngày 05/12/2019 Ủy ban nhân dân xã An Phong tiến hành hòa giải về việc tranh chấp ranh đất nhưng không thành.

Hiện nay phần đất thửa 88 của ông C, bà T có chiều ngang giáp Q lộ 30 chỉ còn là 4,2m, thiếu 0.02m, chiều ngang sau hậu giáp hẻm chỉ còn 4.15m, thiếu 0.07m. Trong đó ông Q, bà L xây dựng nhà lấn phần đất chiều ngang giáp quốc lộ 30 là 0.02m và chiều sau hậu ngang giáp hẻm là 0.07m, chiều dài là 16m, diện tích

là 0,7m².

Nay ông C, bà T yêu cầu: Buộc hộ ông Quốc, bà L trả lại phần đất ngang giáp Quốc lộ 30 là 0.02m, ngang giáp hẻm là 0.07m, dài 16m, diện tích là 0.7m² thuộc một phần thửa 88, tờ bản đồ số 110, diện tích 67,5m² (ONT), tọa lạc xã An Phong, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận QSD đất ngày 17/8/2018 cho ông C, bà T. Ranh giới QSD đất giữa thửa 88 của ông C và bà T và thửa 425 của ông Q, bà L được xác định từ mốc số 5 đến mốc số 6 (theo Sơ đồ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai). Buộc hộ ông Q, bà L tháo dỡ, di dời nhà ra khỏi phần đất nêu trên và trả lại diện tích đất lấn chiếm là 0.7m², không thống nhất nhận giá trị đất, không thống nhất giá đất 800.000đ (*Tám trăm nghìn đồng*) do Hội đồng định giá định, không yêu cầu định giá lại.

- *Bị đơn ông Bùi Phú Q và bà Nguyễn Thị Ngọc L trình bày:*

Ông Q, bà L đứng tên giấy chứng nhận QSD đất thửa 425, tờ bản đồ số 110, diện tích 128m²(ONT), tọa lạc xã A, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận QSD đất ngày 26/6/2019. Phần đất này của ông Q, bà L có chiều ngang giáp Q lộ 30 là 08m, chiều ngang sau hậu giáp hẻm là 08m, chiều dài là 16m, tổng diện tích là 128m².

Vào năm 2018 ông Q, bà L có chuyển nhượng cho ông C, bà T phần đất ngang 0.22m x dài 16m, diện tích 3.25m², thuộc một phần thửa 88 hiện nay do ông C, bà T đứng tên giấy chứng nhận QSD đất nêu trên, với giá là 28.000.000đ (*Hai mươi tám triệu đồng*). Khi chuyển nhượng QSD đất không có đo đạc, chỉ chuyển nhượng trên Hợp đồng, nếu trường hợp ông C, bà T cho rằng ông Q, bà L lấn ranh đất thì ông Q, bà L yêu cầu ông C, bà T trả lại diện tích 3.25m², sẽ trả lại số tiền chuyển nhượng đất đã nhận là 28.000.000đ. Trường hợp có lấn ranh đất của ông C, bà T, đồng ý bồi thường diện tích đất lấn, với giá đất do Hội đồng định giá đã định.

Vào năm 2019 ông Q, bà L xây dựng nhà cấp III trên phần đất thửa 425, trước khi xây dựng nhà ông Q, bà L có xin giấy phép xây dựng và được UBND huyện Thanh Bình cấp Giấy phép xây dựng số 93/GPXD-UBND ngày 30/8/2019, sau đó ông Q, bà L xây dựng nhà trên phần đất đã được định vị và đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất nêu trên. Hiện nay thửa 425 mà ông Q, bà L được cấp so với diện tích thực tế ông Q, bà L sử dụng là đủ diện tích 128m².

Nay ông Q và bà L yêu cầu: Không thống nhất yêu cầu của ông C, bà T, không đồng ý trả lại diện tích đất 0.7m², không thống nhất tháo dỡ, di dời nhà trả lại phần diện tích đất nêu trên. Ranh giới QSD đất giữa thửa 88 của ông C và bà T với thửa 425 của ông Q, bà L được xác định từ mốc số 03 đến mốc số 04 (theo Sơ đồ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan em Bùi Nguyễn Tường V, Bùi Nguyễn Tường VI, người đại diện theo pháp luật là ông Q và bà L là cha mẹ ruột trình bày:* Thống nhất lời trình bày của ông Q, bà L nêu trên không trình bày gì thêm.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện Thanh Bình ủy quyền cho ông Mai Văn Đ trình bày:* Ngày 30/8/2019 UB huyện có cấp giấy phép xây dựng nhà ở cho ông Bùi Phú Q số 93/GP-XD-UBND, gắn liền với thửa 425, tờ bản đồ số 110, diện tích 128m², mục đích đất ở nông thôn, địa điểm ấp Thị, xã An Phong. Sau khi kiểm tra lại hồ sơ cấp phép xây dựng cho ông Q, đối chiếu theo các quy định của pháp luật tại thời điểm cấp phép, UB huyện khẳng định hoàn toàn đúng quy trình thủ tục. Theo quy định đơn vị cấp phép xây dựng không có trách nhiệm đến thực địa đo đạc, lập biên bản giao mốc xây dựng cho hộ được cấp phép xây dựng đối với nhà ở riêng lẻ.

- *Tại phiên tòa ông C, bà T trình bày:* Năm 2019 ông Q, bà L xây dựng nhà nhưng không yêu cầu ông bà đến xác định ranh giới QSD đất giữa hai bên, trong quá trình xây dựng ông bà phát hiện ông Q, bà L xây dựng nhà lấn qua phần đất của ông bà thuộc một phần thửa 88, diện tích lấn là 0.7m², ranh giới QSD đất giữa thửa 88 và thửa 425 theo sơ đồ đo đạc là từ mốc 05 đến mốc 06. Yêu cầu hộ ông Q, bà L phải tháo dỡ, di dời tài sản trên đất trả lại diện tích đất lấn chiếm là 0.7m², không thống nhất nhận giá trị đất theo yêu cầu của ông Q, bà L là 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

- *Tại phiên tòa ông Q, bà L trình bày:* Ông bà xây dựng nhà đúng diện tích đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất là 128m² thuộc thửa 425, tuy nhiên do việc xây dựng chính quyền địa phương không có giao mốc và xác định vị trí đất cụ thể, ông bà xây dựng nhà trên vị trí nền nhà cũ, đủ diện tích so với QSD đất được cấp. Căn cứ vào sơ đồ đo đạc thì ông bà có xây dựng lấn qua phần đất của ông C, bà T diện tích là 0.7m², thuộc một phần thửa 88, tờ bản đồ số 110, diện tích 67,5m² (ONT), tọa lạc xã An Phong, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận QSD đất ngày 17/8/2018 cho ông C, bà T. Yêu cầu ông C, bà T chuyển giao quyền sử dụng phần đất diện tích 0.7m² nêu trên cho ông Q, bà L sử dụng, ông Q, bà L thống nhất trả giá trị đất cho ông C, bà T với số tiền là 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật tại Điều 70, 72, 73 BLTTDS năm 2015.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 175 BLDS năm 2015 và khoản 5,7 Điều 166 Luật đất đai năm 2013. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Đặng Thị T và ông Phạm Văn C yêu cầu ông Bùi Phú Q, bà Nguyễn Thị Ngọc L trả lại diện tích đất 0.7m². Ghi nhận sự tự nguyện của ông Q, bà L trả giá trị đất đã lấn chiếm diện tích 0.7m² với số tiền là 10.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Đất tranh chấp và nơi cư trú bị đơn tại xã An Phong, huyện Thanh Bình, nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nơi có đất tranh chấp và nơi bị đơn cư trú, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đại diện theo ủy quyền của UBND huyện là ông Đ vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử xét thấy đương sự nêu trên vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ là phù hợp và đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về quan hệ pháp luật: Ông C, bà T khởi kiện yêu cầu ông Q, bà L trả lại QSD đất diện tích 0.7m², yêu cầu xác định ranh giới QSD đất thửa 88 và thửa 425, nên phát sinh tranh chấp ranh giới giữa các bất động sản liền kề và Đòi lại QSD đất. Tòa án huyện thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về pháp luật áp dụng: Tranh chấp quyền sử dụng đất phát sinh năm 2019, nên áp dụng quy định Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật Đất đai năm 2013 để giải quyết.

[3] Về nội dung vụ án: Ông C, bà T yêu cầu ông Q, bà L trả lại diện tích đất lấn chiếm là 0.7m², thuộc một phần thửa 88, tờ bản đồ số 110, diện tích 67,5m² (ONT), tọa lạc xã An Phong, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận QSD đất số CS09432 cấp ngày 17/8/2018 cho ông Phạm Văn C và bà Đặng Thị T, yêu cầu xác định ranh giới QSD đất giữa thửa đất 88 của ông C, bà T và thửa đất 425 của ông Q, bà L và yêu cầu tháo dỡ, di dời tài sản trả lại đất.

Căn cứ Sơ đồ đo đạc của chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện thì diện tích đất ông Q, bà L xây dựng nhà phù hợp với diện tích đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất. Tuy nhiên vị trí đất xây dựng nhà so với vị trí đất được xác định trên bản đồ là không đúng vị trí, do khi xây dựng không được chính quyền địa phương xác định lại vị trí đất được cấp giấy chứng nhận QSD đất so với vị trí đất ngoài thực địa. Vì vậy khi xây dựng nhà ông Q, bà L có xây lấn sang phần đất thửa 88 của ông C, bà T với diện tích là 0.7m². Tại phiên tòa ông Q, bà L thừa nhận đã xây dựng nhà lấn phần đất của ông C, bà T diện tích nêu trên, thống nhất trả lại giá trị đất cho ông C, bà T với số tiền là 10.000.000đ, nhưng ông C, bà T không đồng ý nhận tiền yêu cầu ông Q, bà L phải tháo dỡ, di dời nhà trả lại phần đất lấn chiếm.

Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu khởi kiện của ông C, bà T có cơ sở chấp nhận do ông Q, bà L thừa nhận có xây dựng nhà lấn qua phần đất của ông C, bà T

diện tích là 0.7m^2 . Tuy nhiên, đối với yêu cầu buộc ông Q, bà L phải di dời, tháo dỡ nhà trả lại diện tích đất lấn chiếm là chưa phù hợp với quy định pháp luật cũng như giá trị đạo đức, truyền thống của dân tộc về tình làng, nghĩa xóm, láng giềng. Tuy ông Q, bà L có xây dựng nhà lấn chiếm đất nhưng diện tích rất nhỏ chỉ có 0.7m^2 (chiều ngang mặt tiền giáp QL 30 là 0.02m và chiều ngang sau hậu giáp hẻm là 0.07m , chiều dài là 16m), nhà của ông Q, bà L là loại nhà cấp III, được xây dựng kiên cố nếu buộc tháo dỡ, di dời sẽ ảnh hưởng đến kết cấu toàn bộ căn nhà, giảm giá trị tài sản cũng như mỹ quan của ngôi nhà. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C, bà T về việc yêu cầu xác định ranh giới QSD đất giữa thửa đất 88 với thửa đất 425, không chấp nhận yêu cầu buộc ông Q, bà L di dời, tháo dỡ nhà trả lại đất cho ông C, bà T, buộc ông Q và bà L phải trả giá trị đất cho ông C, bà T. Tại phiên tòa ông Q, bà L thống nhất trả giá trị đất diện tích 0.7m^2 với số tiền $10.000.000\text{đ}$, so với giá đất Hội đồng định giá định là $800.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 0.7\text{m}^2 = 560.000\text{đ}$, là cao hơn giá trị đất Hội đồng định giá định, có lợi cho nguyên đơn, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của ông Q, bà L trả lại giá trị đất cho ông C, bà T với số tiền là $10.000.000\text{đ}$ là phù hợp với quy định tại Điều 175, 176 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về chi phí tố tụng: Căn cứ khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên buộc bị đơn ông Q, bà L phải liên đới trách nhiệm chịu chi tố tụng là $5.534.000\text{đ}$ (*Năm triệu, năm trăm ba mươi bốn nghìn đồng*) chi phí định giá tài sản và chi phí đo đạc.

Ông Bùi Phú Q và bà Nguyễn Thị Ngọc L có trách nhiệm liên đới trả lại cho ông Phạm Văn C, bà Đặng Thị T chi phí tố tụng với số tiền là $5.534.000\text{đ}$ (*Năm triệu, năm trăm ba mươi bốn nghìn đồng*) do ông C, bà T đã nộp và chi xong.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, điểm b khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q Hội.

Ông Bùi Phú Q, bà Nguyễn Thị Ngọc L phải liên đới trách nhiệm chịu 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phạm Văn C, bà Đặng Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông C, bà T toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, c khoản 1 Điều 39, khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 227 và điểm b khoản 1 Điều 238, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 166, 195 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 175, 176 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm b khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn C, bà Đặng Thị T đối với ông Bùi Phú Q, bà Nguyễn Thị Ngọc L về việc xác định ranh giới quyền sử dụng đất và tháo dỡ, di dời tài sản trả lại quyền sử dụng đất.

Ranh giới Quyền sử dụng đất giữa đất của ông Phạm Văn C, bà Đặng Thị T tại thửa 88 với đất của ông Bùi Phú Q, bà Nguyễn Thị Ngọc L tại thửa 425 là đường thẳng nối từ mốc số 03 đến mốc số 04, đất tại Ấp Thị, xã An Phong, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Ranh đất được sử dụng theo chiều thẳng đứng tính từ lòng đất đến không gian, tài sản của hai bên lấn chiếm ranh đất phải di dời theo quy định của pháp luật.

Ông Phạm Văn C, bà Đặng Thị T, ông Bùi Phú Q, bà Nguyễn Thị Ngọc L được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh lại quyền sử dụng đất và đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

(Kèm Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 12/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình; Sơ đồ đo đạc ngày 12/11/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thanh Bình).

Buộc ông Bùi Phú Q, bà Nguyễn Thị Ngọc L có trách nhiệm liên đới trả cho ông Phạm Văn C, bà Đặng Thị T số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về chi phí tố tụng:

Buộc ông Bùi Phú Q và bà Nguyễn Thị Ngọc L có trách nhiệm liên đới trả lại cho ông Phạm Văn C, bà Đặng Thị T chi phí tố tụng với số tiền là 5.534.000đ (*Năm triệu, năm trăm ba mươi bốn nghìn đồng*) do ông C, bà T đã nộp và chi xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Bùi Phú Q, bà Nguyễn Thị Ngọc L phải liên đới trách nhiệm chịu 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phạm Văn C, bà Đặng Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông C, bà T toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), theo các biên lai thu số BI/2019-0001751 ngày 27/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 06/12/2021). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS huyện;
- CC THA DS huyện;
- TAND tỉnh;
- CTTĐT Tòa án;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lý Thị Bích Thơ